

Số: 122/2020/QĐST-HNGĐ

Liên Chiểu, ngày 20 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Đỗ Mạnh H** – Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khu phố Vĩnh Thịnh 3, phường Tích S, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà **Phạm Thị Mỹ D** – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ 58, phường Hòa Hiệp B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh H kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình chung sống, bà Duyên và ông Hùng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà D và ông H đã sống ly thân được gần một năm. Do đó, bà D và ông H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, bà D và ông H đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Duyên và ông Hùng.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh Hùng xác nhận không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh Hùng xác nhận không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết..

[4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh Hùng xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh H chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2016 ngày 07.11.2016 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

1.2. *Về quan hệ con chung:* Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh H thống nhất xác nhận không có.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh H thống nhất xác nhận không có.

1.4. *Về nợ chung:* Bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh H thống nhất xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Mỹ D và ông Đỗ Mạnh H nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004526 ngày 30.6.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Ch ;
- UBND phường Hòa Hiệp B ,
quận Liên Ch , thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hồng Thủy